

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 122/2004/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán và kiểm toán đối với doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

- Căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 06 năm 2003, Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh và Nghị định số 185/2004/NĐ-CP ngày 04/11/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.
- Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 17/06/1996, Luật sửa đổi một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 27/06/2000 và Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000, Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 18/03/2003 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 48/2000/NĐ-CP ngày 12/09/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí;
- Căn cứ Nghị định số 42/CP ngày 8/7/1995 của Chính phủ về quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của Tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán và kiểm toán đối với doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Đối tượng áp dụng Thông tư này là các doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài gồm:
 - 1.1. Doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài; bên nước ngoài hợp doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
 - 1.2. Chi nhánh, Tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của Tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam; Chi nhánh

thương mại; Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo Luật Dầu khí.

1.3. Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài là cơ sở thường trú của Công ty nước ngoài đặt tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân nước ngoài khác hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Tất cả doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam phải tuân thủ Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán Việt Nam; việc tổ chức công tác kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc, nội dung, phương pháp kế toán, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định của chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về kế toán khác với quy định của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì được áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

4. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài, khi áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam nếu không có nhu cầu bổ sung, sửa đổi thì không phải đăng ký chế độ kế toán áp dụng với Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài khi áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu bổ sung, sửa đổi như quy định tại Mục 1.1 Phần II Thông tư này phải được Bộ Tài chính đồng ý bằng văn bản trước khi thực hiện.

5. Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài phải được doanh nghiệp kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế.

6. Doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho Cục Thuế địa phương, Cơ quan cấp giấy phép đầu tư hoặc giấy phép hoạt động, Cục Thống kê, Bộ Tài chính và cho bên góp vốn phía Việt Nam (nếu có). Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài có trụ sở nằm trong Khu

Chế xuất, Khu Công nghiệp, Khu Công nghệ cao phải nộp báo cáo tài chính cho Ban quản lý Khu Chế xuất, Khu Công nghiệp, Khu Công nghệ cao nếu được yêu cầu.

7. Doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài phải chịu sự kiểm tra kế toán của cơ quan tài chính và các cơ quan quản lý chức năng trong việc thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán và không quá một lần kiểm tra cùng một nội dung trong một năm tài chính.

8. Doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài phải tổ chức bộ máy kế toán, bố trí hoặc thuê người làm kế toán, bố trí hoặc thuê người làm kế toán trưởng. Trường hợp chưa bố trí hoặc thuê được người làm kế toán trưởng thì phải cử người phụ trách kế toán. Việc cử người phụ trách kế toán chỉ được thực hiện trong thời gian tối đa là 1 năm tài chính, sau đó phải bố trí, hoặc thuê người làm kế toán trưởng. Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Kế toán.

9. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu tại Việt Nam là “đ” hoặc VND). Trường hợp nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh bằng ngoại tệ phải ghi theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế (được xác định trên cơ sở tỷ giá hối đoái niêm yết tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật Việt Nam) hoặc theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố (tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng) trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp phát sinh loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái trực tiếp với Đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam.

Đối với các doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài hoạt động thu, chi chủ yếu bằng ngoại tệ được chọn một loại ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ kế toán và phải được Bộ Tài chính đồng ý bằng văn bản trước khi thực hiện. Doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài thực hiện ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính theo loại ngoại tệ đã được Bộ Tài chính đồng ý làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, riêng báo cáo tài chính